

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2019/HNGĐ-ST

Ngày:15/8/2018.

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Công Nhận** và bà **Nguyễn Thị Bình**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07/6/2019 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS, ngày 08/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ: thôn X, xã N, huyện L, tỉnh Nghệ An (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương, có mặt.

3. Người làm chứng:

Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện L, tỉnh Nghệ An (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/10/2009. Chị L, anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong việc

phát triển kinh tế gia đình, đời sống tình cảm vợ chồng không hòa hợp, anh T ham chơi, thường xuyên uống rượu-bia, mỗi khi uống rượu-bia về nhà là chửi bới, gây áp lực tinh thần, thể xác đối với chị L. Tuy nhiên vì gia đình nên chị L xác định cần phải có thời gian để động viên, thuyết phục anh T thay tâm đổi tính nên vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống nhưng càng chung sống chị L nhận thấy vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vậy từ tháng 6 năm 2019 chị L với anh T sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay chị L xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở pháp luật, được UBND xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009, khi về chung sống được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Anh T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, ngoài ra anh T có nghề nghiệp buôn bán hoa quả vì vậy thường xuyên phải giao lưu uống rượu, bia khi về nhà thì chị L không thông cảm, chia sẻ, cư xử không đúng mực nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn sô sát, cãi vã. Sự việc này diễn ra liên tục và thường xuyên dẫn tới tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hiện tại chị L đã chuyển về tỉnh Nghệ An sinh sống. Nay chị L xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị Tòa án hòa giải, động viên chị L về đoàn tụ hôn nhân.

Về con chung: Chị L, anh T xác định có hai con là Đỗ Gia Bảo, sinh ngày 31/7/2010; Đỗ Nguyễn Văn An, sinh ngày 07/01/2012, hiện tại cháu Bảo do chị L nuôi dưỡng; cháu An do anh T nuôi dưỡng. Ly hôn, chị L và anh T đều nhận nuôi dưỡng cả hai con, tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị L, anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Tại Đơn đề nghị của bà Trương Thị H (mẹ đẻ của chị L) và tại biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị P (mẹ đẻ anh T) đều xác định: Chị L, anh T là vợ chồng, quá trình chung sống các đương sự phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh T thường xuyên uống rượu bia khi về nhà cư xử không đúng mực, chửi bới, đánh đập vợ con, chị L góp ý nhưng anh T không thay tâm đổi tính, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị L xin ly hôn anh T quan điểm của bà Hoa, bà Phơ đề nghị Tòa án giải quyết cho đương sự được ly hôn. Về con chung của chị L, anh T: Bà Hoa đề nghị giao cả hai con cho chị L được nuôi dưỡng, bản thân bà và gia đình sẽ hỗ trợ chị L trong việc nuôi dưỡng con chung của đương sự. Quan điểm của bà Phơ đề nghị Tòa án giao cháu Bảo cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu An cho anh T nuôi dưỡng, là phù hợp với thực tế.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chị L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn anh T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về nuôi dưỡng con chung: Xác định chị Nguyễn Thị L, anh Đỗ Văn T có hai con là Đỗ Gia Bảo, sinh ngày 31/7/2010 và Đỗ Nguyễn Văn An, sinh ngày 07/01/2012. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên đương sự, nguyện vọng của cháu Bảo, cháu An và các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử, giao cháu Bảo cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu An cho anh T nuôi dưỡng. Chị L, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân với Đỗ Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị L theo quy định tại điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương, vào ngày 03/10/2009 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh T do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong việc phát triển kinh tế gia đình, đời sống tình cảm vợ chồng không hòa

thuận, ngoài ra anh T thường xuyên uống rượu bia khi về nhà cư xử không đúng mực, chửi bới, gây áp lực tinh thần, thể xác đối với chị L; còn chị L cư xử không khéo léo, không thông cảm và chia sẻ với anh T. Hiện tại hai bên đương sự đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Xác minh với chính quyền thôn S, đoàn thể, UBND xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương và người thân trong gia đình của đương sự đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ, trao đổi, hòa giải nhưng không thành do chị L không có thiện chí về đoàn tụ và cương quyết xin ly hôn; còn anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn Tòa án tạo điều kiện hòa giải, động viên chị L về đoàn tụ nhưng lại từ chối không đến tham gia phiên hòa giải, không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Từ những căn cứ như đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L và quan điểm đề nghị của đại diện VKSND huyện TH, tỉnh Hải Dương. Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đỗ Văn T là đúng pháp luật, phù hợp với thực tế.

[3]. Về con chung: Xác định chị L, anh T có hai con là Đỗ Gia Bảo, sinh ngày 31/7/2010, Đỗ Nguyễn Văn An, sinh ngày 07/01/2012; hiện tại cháu Bảo do chị L nuôi dưỡng; cháu An do anh T nuôi dưỡng. Ly hôn hai bên đương sự đều có quan điểm nguyện vọng nhận nuôi dưỡng cả hai con, nếu được nuôi dưỡng cả hai con, chị L-anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Sau khi xem xét nguyện vọng của đương sự, ý kiến đề nghị của đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng nuôi con của các bên đương sự là chính đáng, tuy nhiên việc giao các con chung cho ai nuôi dưỡng phải xuất phát từ lợi ích về mọi mặt, quyền lợi, nguyện vọng của các con chưa thành niên, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh sống, làm việc thực tế của mỗi bên đương sự.

Xét các con chung của các bên đương sự đều trên 07 tuổi, từ khi chị L, anh T sống ly thân, cháu An do anh T nuôi dưỡng; cháu Bảo do chị L nuôi dưỡng và đều cư trú sinh sống ổn định. Xét cháu An có nguyện vọng ở với bố, còn cháu Bảo có nguyện vọng ở với mẹ, căn cứ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình và thực tiễn cuộc sống thì chị L, anh T đều phải có trách nhiệm thương yêu, tôn trọng ý kiến của con, có trách nhiệm, nghĩa vụ như nhau đối với các con của mình chưa thành niên. Xác minh tại chính quyền thôn S, đoàn thể, UBND xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương và người thân trong gia đình đương sự, đều đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu Bảo, cháu An và điều kiện thực tế của mỗi bên đương sự, để giao các con cho các bên đương sự được nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của cháu Bảo, cháu An và quan điểm của đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giao cháu An cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Bảo cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là đúng pháp luật, phù hợp với thực tế, điều kiện cuộc sống của chính các bên đương sự. Do mỗi bên đương sự nuôi dưỡng một con chung nên chị L,

anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị L, anh Đỗ Văn T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, là đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử, chị **Nguyễn Thị L** ly hôn anh **Đỗ Văn T**.

Về con chung: Xử, giao con **Đỗ Gia Bảo**, sinh ngày **31/7/2010** cho chị **Nguyễn Thị L** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con **Đỗ Nguyễn Văn An**, sinh ngày **07/01/2012** cho anh **Đỗ Văn T** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Thời điểm nuôi dưỡng các con chung của các bên đương sự kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000470, ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã A, huyện TH (đăng ký kết hôn số 46, quyền số I/2009, ngày 03/10/2009, để lưu và vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

